

CÔNG TY CỔ PHẦN NAHACO VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NAHACO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAHACO VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109760263

3. Ngày thành lập: 30/09/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Liên kè 09, TT02, Tây Nam Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976090833

Fax:

Email: Info.nahaco@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
2.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình; - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	4772
3.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ; Tư vấn về môi trường; Tư vấn về công nghệ khác Tư vấn về nông học;	7490
4.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
5.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn vật tư y tế, dụng cụ y tế; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn văn phòng phẩm	4649
7.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740

8.	Sản xuất hoá chất cơ bản (trừ hóa chất Nhà nước cấm)	2011
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Lập trình máy vi tính	6201
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
14.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
15.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
16.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ răng giả)	3250
17.	Quảng cáo Loại trừ: Quảng cáo thuốc lá	7310
18.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Loại trừ: Các hoạt động Nhà nước cấm	9000
19.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
20.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (không bao gồm sản xuất phim)	5911
21.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
22.	Bán buôn tổng hợp Loại trừ: Hàng hóa Nhà nước cấm	4690
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24.	Hoạt động hậu kỳ	5912
25.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
26.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông)	6311
27.	Cho thuê xe có động cơ	7710
28.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
29.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
30.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
31.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
32.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội ngoại thất	7410

33.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc; - Hoạt động đo đạc bản đồ; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng; - Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thiết kế xây dựng công trình; - Thăm tra thiết kế, dự toán xây dựng; - Khảo sát xây dựng; - Giám sát thi công xây dựng công trình; - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn lựa chọn nhà thầu; - Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy (Điều 18, Điều 70, Điều 77, Điều 86, Điều 87, Điều 121 Luật xây dựng năm 2014; Luật đấu thầu 2013, Điều 41 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật phòng cháy, chữa cháy)	7110
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
35.	Đào tạo sơ cấp	8531
36.	Đào tạo trung cấp	8532
37.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;	8559
38.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.	8560

39.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn máy móc, vật tư, thiết bị y tế, thiết bị khoa học công nghệ; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu;	4659(Chính)
40.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THANH BÌNH	Tổ 29, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.400	540.000.000	30,000	0361820002 04	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	5.400	540.000.000	30,000		
2	ĐINH THỊ LOAN	Số 306 Tổ 24, Xã Xuân Kiên, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.600	360.000.000	20,000	162870553	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.600	360.000.000	20,000		

3	ĐINH ĐỨC LUÂN	18A ngách 16 ngõ 93 Giáp Nhì, Tổ 14B, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.500	450.000.000	25,000	036089004745
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	4.500	450.000.000	25,000	
4	TRẦN MINH PHƯƠNG	P2532-CT10A, Khu đô thị Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	036184000364
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.800	180.000.000	10,000	
			Cổ phần phổ thông	1.800	180.000.000	10,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
5	TRẦN MINH NGỌC	Xóm 9, Xã Xuân Vinh, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	163108563
			Cổ phần phổ thông	2.700	270.000.000	15,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.700	270.000.000	15,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐINH THỊ LOAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/07/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 162870553

Ngày cấp: 20/01/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

Địa chỉ thường trú: Số 306 Tổ 24, Xã Xuân Kiên, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 306 Tổ 24, Xã Xuân Kiên, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội